

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2025/DS-PT
Ngày: 26-08-2025
“Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thanh Giang.

Ông Bùi Thế Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hải Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 06 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 23 tháng 05 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương nay là Khu vực 8 - Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 07 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1960. (có mặt)

- Đại diện theo ủy quyền của ông H: Anh Nguyễn Đức H1, sinh năm 1987 (có mặt).

Đều cư trú tại: Thôn M, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương nay là xã H, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy Q, sinh năm 1967 và bà Bùi Thị H2, sinh năm 1971.

Đều cư trú tại: Xóm A, thôn M, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương nay là xã H, thành phố Hải Phòng. (đều có mặt)

- **Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Duy Q, bà Bùi Thị H2:** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1999. Cư trú tại: E, T, Phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương nay là phường H, thành phố Hải Phòng. (có mặt).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Dương Thị P, sinh năm 1964. (có mặt)

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963; ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1965; Đều có địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương nay là xã H, thành phố Hải Phòng. (Đều vắng mặt).

- **Người kháng cáo:**

1. Nguyên đơn – ông Nguyễn Đức H3

2. Bị đơn - ông Nguyễn Duy Q.

- **Bản án không bị kháng nghị.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn - ông Nguyễn Đức H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Dương Thị P, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - anh Nguyễn Đức H1 đều thống nhất trình bày: Ông Nguyễn Đức H, bà Dương Thị P vay hộ ông Nguyễn Duy Q, bà Bùi Thị H2 hai lần tổng số tiền 260.000.000đồng. Cụ thể như sau: Ngày 02/8/2013 âm lịch vay hộ số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); ngày 08/4/2014 âm lịch vay hộ số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền có chữ ký của ông Q, bà H2. Hai bên không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả tiền. Ông H, bà P đã đòi nhiều lần nên bà H2 đã nhờ bà S, ông C đến nhà ông H khẩn nợ, xin được trả dần nhưng sau đó ông Q, bà H2 vẫn không trả nợ nên ông H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà nay là khu vực 8 giải quyết buộc ông Q bà H2 phải trả toàn bộ số tiền 260.000.000đồng và tiền lãi tính từ khi vay đến nay. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 02 bản chính giấy vay nợ.

Tại bản tự khai ngày 11/01/2025, biên bản đối chất ngày 14/02/2025; Đơn trình bày ngày 03/4/2025, bị đơn - ông Nguyễn Duy Q, bà Bùi Thị H2 do ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H4 là người đại diện theo ủy quyền đều thống nhất trình bày: Ông Q bà H2 không nhờ ông H bà P vay hộ số tiền 260.000.000đồng như yêu cầu khởi kiện của ông H bà P; không công nhận chữ ký, chữ viết trong 02 bản chính giấy vay tiền ngày 02/8/2013 (âm lịch) và ngày 08/4/2014 (âm lịch) nhưng không yêu cầu giám định mà đề nghị nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh chữ ký, chữ viết tại 02 giấy vay tiền trên là chữ ký, chữ viết của ông Q bà H2; nguyên đơn không chứng minh được việc bị đơn nhận tiền của nguyên đơn, không chứng minh được có việc đòi tiền bị đơn; người làm chứng là ông C, bà S không khách quan.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Đức C trình bày: Ông là em ruột ông H. Khoảng thời gian năm 2014, 2015, bà H2 vợ ông Q có đi cùng bà S đến nhà ông và nhờ ông đến nhà ông H khát nợ hộ. Tại nhà ông H, bà H2 khát nợ và xin trả nợ dần. Ông không biết mục đích của việc vay nợ có liên quan đến tiền lô đề, cờ bạc hay không.

Bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà không có quan hệ họ hàng với các đương sự mà chỉ là hàng xóm với nhau. Khoảng năm 2014, 2015, bà và ông C có đi cùng bà H2 vợ ông Q đến nhà ông H bà P khát nợ giúp ông Q bà H2; ông Q, bà H2 xin trả nợ dần mỗi năm trả một ít. Mục đích của việc vay nợ có liên quan đến tiền lô đề cờ bạc hay không bà không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 23 tháng 05 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương nay là Khu vực 8 - Hải Phòng đã quyết định:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức H.

[2]. Buộc ông Nguyễn Duy Q và bà Bùi Thị H2 phải trả nợ cho ông Nguyễn Đức H và bà Dương Thị P tổng số tiền gốc 260.000.000đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*).

[3] Không chấp nhận khoản yêu cầu trả lãi suất của nguyên đơn.

Bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 23 và 26/05/2025, ông Nguyễn Duy Q1 - bị đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Lý do: Cấp sơ thẩm không xem xét toàn bộ chứng cứ, đưa ra nhận định không khách quan, không ghi nhận ý kiến của phía bị đơn, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngày 09/6/2025, ông Q1 có đơn kháng cáo bổ sung nội dung: Ngày 06/6/2025, ông Q1 nhận được bản án và mới biết người được ông Q1 ủy quyền đã trình bày không đúng bản chất sự việc. Ông Q1 có vay tiền và đã trả xong nhưng ông H không hủy Giấy biên nhận.

Ngày 30/5/2025, ông Nguyễn Đức H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải trả nguyên đơn tiền lãi trên số nợ gốc với lãi suất 10%/năm kể từ ngày ghi trên hợp đồng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa

Ban đầu, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị cấp phúc thẩm buộc bị đơn phải trả số tiền gốc là 260.000.000đồng, số tiền lãi tính từ năm 2015 đến năm 2025 là 10 năm với lãi suất 10%/năm bằng 260.000.000đồng. Cộng bằng

520.000.000đồng. Sau đó, nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị bị đơn trả số tiền gốc, rút yêu cầu đối với số tiền lãi. Rút yêu cầu kháng cáo.

Ông Q1 đề nghị ủy ban án sơ thẩm, giao cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trước đây, ông Q1 nhiều lần nhờ bà P vay hộ tiền và đều thanh toán xong. Ông Q1, bà H2 có nhờ bà P vay hộ hai khoản tiền là 200.000.000đ và 60.000.000đồng, có viết và ký giấy biên nhận mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án sơ thẩm. Sau khi vay được tiền ngân hàng, ông Q1 đã đưa tiền cho bà H2 trả cho bà P nhưng bà P không hủy hoặc trả lại giấy biên nhận. Lý do là vì bà H2 ghi đề và nợ tiền bà P nên bà P trừ vào số tiền bà H2 đưa trả chứ không trừ vào khoản nợ mà ông Q1, bà H2 đã vay. Ông Q1, bà H2 không có căn cứ gì chứng minh cho nội dung đã trình bày nêu trên; không có căn cứ gì chứng minh đã trả số tiền trên cho nguyên đơn. Sau đó, ông Q1, bà H2 đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 200.000.000đồng, không đồng ý trả số tiền 60.000.000đồng. Đồng ý với việc rút kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 23 tháng 05 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương nay là Khu vực 8 - Hải Phòng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người làm chứng: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng họ vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn:

[2.1] Ông H bà Q1 vay tiền hộ ông Q1 bà H2 hai lần: Lần 1 vào ngày 02/8/2013 âm lịch tức ngày 06/09/2013, số tiền là 200.000.000đồng; Lần 2 vào ngày 08/04/2014 âm lịch tức ngày 06/05/2014, số tiền là 60.000.000đồng; Hai bên có lập Giấy biên nhận vay tiền có chữ ký của cả hai bên. Cả hai giấy biên nhận nêu trên đều không ghi lãi suất, thời gian trả. Tại cấp sơ thẩm, ông Q1 cho rằng chữ ký, chữ viết trên hai giấy biên nhận trên không phải chữ viết, chữ ký của ông Q1, bà H2. Các đương sự đều không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết tại hai giấy biên nhận. Tại

cấp phúc thẩm, ông Q1 bà H2 xác định có sự việc ông Q1, bà H2 nhờ ông H, bà P vay tiền hộ như ông H, bà P trình bày, chữ viết, chữ ký tại hai giấy biên nhận có trong hồ sơ vụ án là của ông Q1, bà H2.

[2.2] Ông Q1, bà H2 cho rằng bà H2 nợ bà P tiền do ghi sổ đề của bà P nhưng do bà H2 không nói nên ông Q1 không biết. Khi ông Q1 đưa tiền cho bà H2 đem trả hai khoản nợ trên cho bà P thì bà P trừ vào tiền bà H2 nợ do ghi sổ đề mà không trừ vào tiền ông Q1, bà H2 vay nợ, đồng thời không hủy hoặc trả lại giấy biên nhận. Tuy nhiên, ông Q1 bà H2 không có căn cứ chứng minh cho nội dung đã trình bày, cũng không có căn cứ nào khác chứng minh đã thanh toán hai khoản nợ trên cho ông H, bà Q1. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q1 bà H2 đồng ý trả ông H, bà P 200.000.000đồng tiền gốc. Ông H yêu cầu ông Q1, bà H2 phải trả đủ 260.000.000đồng tiền gốc. Rút yêu cầu kháng cáo về việc buộc ông Q1, bà H2 trả tiền lãi. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông H, buộc ông Q1, bà H2 phải trả cho ông H bà P số tiền nợ gốc là 260.000.000đồng.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn kháng cáo nhưng đã rút yêu cầu kháng cáo tại phiên tòa nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn. Bị đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Đức H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm; Kháng cáo của ông Nguyễn Duy Q không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308; Điều 289; Điều 296; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 357, 429, 463, 465, 466, 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Đức H về việc buộc ông Nguyễn Duy Q và bà Bùi Thị H2 phải trả số tiền lãi trên số tiền nợ gốc kể từ năm 2015 đến năm 2025 với lãi suất là 10%/năm bằng 260.000.000đồng.

2. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Duy Q.

3. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 23/05/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hải Phòng.

4. Buộc ông Nguyễn Duy Q và bà Bùi Thị H2 phải trả cho ông Nguyễn Đức H và bà Dương Thị P số tiền nợ gốc là 260.000.000đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền nợ gốc chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Về án phí:

Ông Nguyễn Đức H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Duy Q phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002079 ngày 06/06/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Hải Phòng. Ông Q đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 26/08/2025./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND khu vực 8 -Hải Phòng;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 -Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Hằng

